

Phụ lục

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ	CẤP CÓ THẨM QUYỀN
A	TIÊU CHÍ CHUNG (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần I + II + III)	30		
I	Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2 + 3)	7		
1	Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1.1 + 1.2 + 1.3)	3		
1.1	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, bộ, ngành quản lý, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Có báo cáo định kỳ, đột xuất đầy đủ, đúng quy định.	1		
1.2	Ban hành đầy đủ quy chế hoạt động, làm việc; Tự tổ chức kiểm tra, giám sát trong nội bộ đối với việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót (nếu có)	1		
1.3	Không có cá nhân thuộc đơn vị, địa phương vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật	1		
2	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 2.1 + 2.2)	2		
2.1	Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị bảo đảm phù hợp mục tiêu quốc gia, mục tiêu ngành, mục tiêu phát triển; có mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể; phân công trách nhiệm rõ ràng; có tính khả thi	1		
2.2	Bố trí đảm bảo các nguồn lực để thực hiện chiến lược, kế hoạch để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ đề ra.	1		
3	Năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 3.1 + 3.2)	2		
3.1	Chủ động rà soát, đánh giá tác động của các thay đổi về cơ chế, chính sách, môi trường công tác.	1		
3.2	Có đề xuất, kiến nghị hoặc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tiễn	1		
II	Quản lý, sử dụng công chức, xây dựng môi trường làm việc và kỷ luật hành chính (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2 + 3)	8		
1	Quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1.1 + 1.2 + 1.3)	2		
1.1	Bố trí công chức đúng vị trí việc làm, đúng chuyên môn, năng lực	1		
1.2	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm	1		
2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 2.1 + 2.2)	4		

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ	CẤP CÓ THẨM QUYỀN
2.1	Quy chế làm việc, quy định nội bộ được ban hành đầy đủ, công khai	1		
2.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xử lý công việc	1		
2.3	Công tác khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định	1		
2.4	Môi trường làm việc đoàn kết, phối hợp hiệu quả giữa các cá nhân, bộ phận	1		
3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 3.1 + 3.2)	2		
3.1	Chấp hành nghiêm thời gian làm việc, quy trình xử lý công việc, chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác	1		
3.2	Thái độ phục vụ tổ chức, công dân đúng mực, chuẩn mực.	1		
III	Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2 + 3 + 4)	15		
1	Xếp vị thứ Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) (điểm tối đa)	5		
1.1	Xếp nhóm hạng xuất sắc	5		
1.2	Xếp nhóm hạng tốt	4		
1.3	Xếp nhóm hạng khá	3		
1.4	Xếp nhóm hạng trung bình	0		
2	Xếp vị thứ Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS) (điểm tối đa)	4		
2.1	Xếp nhóm hạng xuất sắc	4		
2.2	Xếp nhóm hạng tốt	3		
2.3	Xếp nhóm hạng khá	2		
2.4	Xếp nhóm hạng trung bình	0		
3	Chỉ số chuyển đổi số (DTI) (điểm tối đa)	4		
3.1	Xếp nhóm hạng xuất sắc	4		
3.2	Xếp nhóm hạng tốt	2		
3.3	Xếp nhóm hạng khá	1		
3.4	Xếp nhóm hạng trung bình	0		
4	Khắc phục tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có)	2		
4.1	Có biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế theo các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán	2		
4.2	Khắc phục không đầy đủ hoặc không có biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế theo các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán	0		

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ	CẤP CÓ THẨM QUYỀN
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần I + II + III + V+VI)	70		
I	Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội, nhiệm vụ trọng tâm (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1+2)	45		
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương	30		
	<i>Các sở, ngành chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ xây dựng, đề xuất cụ thể chỉ tiêu trọng tâm (GDP ngành, lĩnh vực) đối với từng sở, ngành</i>			
2	Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch năm (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 2.1 + 2.2)	15		
2.1	Tiến độ hoàn thành công việc (điểm tối đa)	10		
2.1.1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng hạn, trong đó ít nhất 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt tiến độ được giao	10		
2.1.2	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng hạn, trong đó dưới 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt tiến độ được giao	9		
2.1.3	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao	7		
2.1.4	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao	5		
2.1.5	Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ được giao	0		
2.2	Chất lượng, hiệu quả công việc (điểm tối đa)	5		
2.2.1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao đúng hạn, được cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả sản phẩm, công việc (không bị yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình lại)	5		
2.2.2	Có dưới 10% có sản phẩm, công việc bị cấp thẩm quyền yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình lại.	3		
2.2.3	Có từ 10 đến 20% sản phẩm, công việc bị cấp thẩm quyền yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình lại	2		
2.2.4	Có từ 20 đến 30% sản phẩm, công việc bị cấp thẩm quyền yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình lại	1		
2.2.5	Có trên 30% sản phẩm, công việc bị cấp thẩm quyền yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung và trình lại	0		
II	Tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); Không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2)	5		
1	Tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1.1 + 1.2 + 1.3)	3		
1.1	Thường xuyên rà soát, phát hiện kịp thời điểm nghẽn thể chế trong phạm vi quản lý	1		
1.2	Đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quy định không phù hợp	1		

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ	CẤP CÓ THẨM QUYỀN
1.3	Tổ chức thực hiện giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thể chế theo thẩm quyền	1		
2	Không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	2		
2.1	Không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	2		
2.2	Có sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	0		
III	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2)	6		
1	Tỷ lệ văn bản/nhiệm vụ phối hợp được phản hồi đúng hạn (điểm tối đa)	4		
1.1	100% văn bản, nhiệm vụ phối hợp phản hồi đúng thời hạn	4		
1.2	90% đến dưới 100% văn bản, nhiệm vụ phối hợp phản hồi đúng thời hạn	3		
1.3	80% đến dưới 90% văn bản, nhiệm vụ phối hợp phản hồi đúng thời hạn	2		
1.4	70% đến dưới 80% văn bản, nhiệm vụ phối hợp phản hồi đúng thời hạn	1		
1.5	Dưới 70% văn bản, nhiệm vụ phối hợp phản hồi đúng thời hạn	0		
2	Hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, chính sách liên ngành, liên vùng (điểm tối đa)	2		
2.1	Nhiệm vụ phối hợp/chính sách liên ngành, liên vùng hoàn thành đúng mục tiêu, không phát sinh tồn đọng	2		
2.2	Hoàn thành nhưng còn phát sinh vướng mắc nhỏ	1		
2.3	Hoàn thành chậm hoặc còn tồn đọng	0		
IV	Đổi mới, sáng tạo, có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2)	4		
1	Có sáng kiến, sản phẩm, mô hình, giải pháp đổi mới, sáng tạo đã được áp dụng trong thực tiễn hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong kỳ đánh giá và mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung	2		
2	Có thành tích trong hoạt động đổi mới, sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận biểu dương, khen thưởng.	2		
V	GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (tổng điểm bằng tổng điểm của từng tiêu chí thành phần 1 + 2)	7		
1	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính theo tiến độ (điểm tối đa)	5		
1.1	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn từ 100%	5		
1.2	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn từ 90% đến dưới 100%	3		
1.3	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn từ 80% đến dưới 90%	2		
1.4	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn từ 70% đến dưới 80%	1		

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CHUẨN	CƠ QUAN TỰ ĐÁNH GIÁ	CẤP CÓ THẨM QUYỀN
1.5	Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn dưới 70%	0		
2	Tỷ lệ trực tuyến thủ tục hành chính (điểm tối đa)	2		
2.1	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 70% trở lên	2		
2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 50% đến dưới 70%	1		
2.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt dưới 50%	0		
VI	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (điểm tối đa)	3		
1	100% đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị được giải quyết	3		
2	Từ 90 đến dưới 100% đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị được giải quyết	2		
3	Từ 80% đến dưới 90% đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị được giải quyết	1		
4	Dưới 80% đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị được giải quyết	0		
	TỔNG CỘNG	100		